

Số: /QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với
cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện
sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 5107/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5395/TTr-STC ngày 23 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, với nội dung chính như sau:

a) Tổng cộng: 112.844.288.090 đồng (một trăm mười hai tỷ, tám trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, không trăm chín mươi đồng).

b) Nguồn kinh phí: Nguồn cải cách tiền lương ngân sách tỉnh năm 2025.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền

phê duyệt của nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo đúng quy định (kể cả các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ liên quan đến nội dung trình nhưng chưa được đề cập tại các văn bản tham mưu, thẩm định).

b) Có trách nhiệm thông báo, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị được bổ sung kinh phí thực hiện Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát và thực hiện các thủ tục nghiệp vụ cấp kinh phí cho các đơn vị đảm bảo đầy đủ, kịp thời, đúng quy định. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X có trách nhiệm từ chối theo thẩm quyền các khoản chi không đủ điều kiện chi theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các đơn vị được bổ sung kinh phí có trách nhiệm rà soát các đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn để thực hiện chính sách, chế độ liên quan theo đúng quy định của pháp luật; quản lý kinh phí được giao và chi trả cho đối tượng thụ hưởng theo đúng điều kiện, tiêu chuẩn, định mức, mục tiêu, đối tượng, công khai, minh bạch và thực hiện thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Kho bạc Nhà nước khu vực X, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin và theo dõi, hướng dẫn, giải quyết các công việc liên quan đến việc tổ chức thực hiện của các đơn vị được bổ sung kinh phí theo quy định; tham mưu đề xuất, báo cáo nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có nội dung chưa phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại phụ lục kèm theo Quyết định này và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC, THĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:
DỰ TOÁN KINH PHÍ GIAO CÁC ĐƠN VỊ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Tên đơn vị	Số người	Dự toán kinh phí được giao
	Tổng cộng	112	112.844.288.090
I	Khối Hành chính	93	97.358.203.178
1	Văn phòng Tỉnh ủy	2	1.664.593.515
2	Văn phòng UBND tỉnh	8	9.548.009.201
3	Sở Nội vụ	9	7.933.153.264
4	Sở Công Thương	1	93.862.080
5	Sở Xây dựng	31	32.539.996.305
6	Sở Tài chính	2	2.352.003.498
7	Sở Khoa học và Công nghệ	10	9.019.581.773
8	Sở Nông nghiệp và Môi trường	25	29.073.754.668
8.1	<i>Cơ quan Sở</i>	5	3.728.188.386
8.2	<i>Chi cục Chất lượng, chế biến và phát triển thị trường</i>	2	3.188.462.063
8.3	<i>Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật</i>	1	1.543.108.320
8.4	<i>Chi cục Thủy lợi</i>	2	1.352.753.708
8.5	<i>Chi cục Kiểm lâm</i>	13	17.640.251.067
8.6	<i>Chi cục Chăn nuôi và Thú y</i>	1	948.913.875
8.7	<i>Chi cục Phát triển nông thôn</i>	1	672.077.250
9	Sở Tư pháp	1	1.047.296.250
10	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1.867.554.000
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1	314.636.400
12	Sở Dân tộc và Tôn giáo	2	1.903.762.224
II	Khối Sự nghiệp	19	15.486.084.913
1	Sở Nội vụ	3	3.087.716.791
1.1	<i>Trung tâm Điều dưỡng người có công</i>	2	1.844.285.953
1.2	<i>Trung tâm Dịch vụ việc làm</i>	1	1.243.430.838
2	Sở Khoa học và Công nghệ	1	1.182.062.700
2.1	<i>Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông</i>	1	1.182.062.700
3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	5	1.561.935.312
3.1	<i>Trung tâm khuyến nông</i>	4	746.850.312
3.2	<i>Ban Quản lý khu Bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên</i>	1	815.085.000

STT	Tên đơn vị	Số người	Dự toán kinh phí được giao
4	Sở Tư pháp	2	2.096.380.260
4.1	<i>Trung tâm Dịch vụ Đấu giá tài sản</i>	1	876.447.000
4.2	<i>Phòng Công chứng Nhà nước số 1</i>	1	1.219.933.260
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	8	7.557.989.850
5.1	<i>Nhà hát Nghệ thuật Lam Sơn</i>	6	6.191.594.370
5.2	<i>Trung tâm Xúc tiến Du lịch và Văn hóa, Điện ảnh Thanh Hóa</i>	2	1.366.395.480